NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đề tài nghiên cứu ,khoa học cấp ngành :

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

Chủ nhiệm đề tài : **Nguyễn Thị Kim Thanh**

Thư ký đề tài : **Nguyễn Thị Hồng**

Những người tham gia :

Nguyễn Thu Hà
Nguyễn Văn Tân
Vũ Văn Long

Hà nội tháng 4 năm 1997

4293
16/12

Lời giới thiệu

Vào những năm 80, nền kinh tế Việt nam đã phải trả giá về sự bất ổn của đồng tiền , lạm phát gia tăng với tốc độ phi mã, Đồng Việt nam bị mất giá trầm trọng làm cho dân chúng không còn tin vào giá trị của Đồng Việt nam nữa. Sự chuyển đổi mạnh mẽ của Hệ thống Ngân hàng Việt nam bắt đầu từ năm 1991 trên mọi phương diện , đặc biệt là trong điều hành chính sách tiền tệ đã đem lại những thành quả nhất định , giá trị đồng tiền được ổn định và nâng lên một bước, góp phần đáng kể vào công cuộc đổi mới kinh tế của Việt nam.

Với mục tiêu tiếp tục duy trì và củng cố hơn nữa giá trị đối nội, đối ngoại của Đồng Việt nam, Đề tài nghiên cứu " ***Định hướng chính sách tiền tệ giai đoạn 1996-2000*** *" đã tìm ra các phương pháp dự báo và điều hành khối lượng tiền cung ứng phù hợp với trình độ phát triển của thị trường tiền tệ trong thời kỳ chuyển đổi đồng thời đưa ra các định hướng điều hành chính sách lãi suất, lãi suất tín dụng, chính sách ngoại hối và tỷ giá của Việt nam trên cơ cơ sở nghiên cứu thực tiễn điều hành chính sách tiền tệ của việt nam trong giai đoạn hiện này, kết hợp với lý luận và điều hành chính sách tiền tệ của một số nước trên thế giới.*

Hy vọng , Đề tài nghiên cứu khoa học này sẽ đóng góp một phần trong việc điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới của Ngân hàng Nhà nước , nhằm tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được trong những năm qua , từng bước đưa hệ thống tài chính, tiền tệ của Việt nam lên ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới.

PHỤ LỤC

Phần mở đầu

Phần 1 : Định hướng chiến lược của chính sách kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 1996-2000

Phần 2 : Mục tiêu của chính sách tiền tệ giai đoạn 1996-2000

1. Quan điểm lựa chọn mục tiêu chính sách tiền tệ trên thế giới
2. Mục tiêu chính sách tiền tệ của Việt nam giai đoạn 1996-2000

Phần 3 : Nội dung cơ bản và định hướng điều hành chính sách tiền tệ trong giai đoạn 1996-2000.

I. Những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn điều hành chính sách tiền tệ của một số nước trên thế giới.

II. Hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ giai đoạn 1996-2000

1. Xác định và điều hành khối lượng tiền cung ứng của NHNN

1.1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát của Việt nam trong giai đoạn 1996-2000

1.2. Mô hình xác định và điều hành quá trình cung ứng tiền

a. Phương pháp xác định và điều hành khối lượng tiền từ năm 1991 đến nay

b. Mô hình xác định và điều hành khối lượng tiền cung ứng giai đoạn 1996-2000

b.1 Xác định chỉ tiêu tiền tệ có tác động chặt chẽ đến tăng trưởng và lạm phát

b.2. Phương pháp dự báo và điều hành khối lượng tiền nhằm giải quyết hài hoà mối quan hệ tăng trưởng và lạm phát

b.2.1 Phương pháp dự báo khối lượng tiền cung ứng hàng năm của Ngân hàng Nhà nước

- Dự báo nhu cầu tiền tệ
- Dự báo vòng quy tiền tệ
- Dự báo tiền tệ dự trữ của Ngân hàng Nhà nước (MB)
- Dự báo tài sản có ngoại tệ ròng trên cơ sở dự báo cán cân thanh toán
- Dự báo sử dụng khối lượng tiền cung ứng của Ngân hàng nhà nước

b.3. Điều hành khối lượng tiền cung ứng giai đoạn 1996-2000

Phương pháp quản lý vốn khả dụng

2. Quan hệ với Ngân sách Nhà nước

3. Định hướng điều hành chính sách lãi suất

3.1 Lãi suất tín dụng ngân hàng , vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến việc xác định lãi suất

3.2. Chính sách tín dụng từ đầu năm 1996 : Hoàn cảnh ra đời và nội dụng đổi mới

3.3. Định hướng điều chỉnh lãi suất tín dụng ngân hàng trong thời gian tới (từ nay đến năm 2000)

4. Định hướng chính sách tín dụng

4.1. Dự kiến tốc độ tăng trưởng tín dụng nền kinh tế giai đoạn 1996-2000

4.2. Định hướng chính sách đầu tư tín dụng theo chiến lược phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000

5. Chính sách quản lý ngoại hối

5.1. Quan điểm điều hành tỷ giá hối đoái

5.1.1. Lựa chọn cơ chế tỷ giá

5.1.2. Xác định tỷ giá

5.2. Kiểm soát ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước

6. Chính sách phát triển thị trường tiền tệ

Kết luận

Tài liệu tham khảo

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

phần mở đầu

Chính sách tiền tệ giai đoạn 1991-1995 đã có những bước phát triển quan trọng , đạt được nhiều thành tựu và góp phần xứng đáng trong sự nghiệp đổi mới toàn diện nền kinh tế của Đảng và Nhà nước, đưa nước ta khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo sự ổn định và các điều kiện cần thiết cho phát triển tiếp theo với nhịp độ cao trong giai đoạn 1996-2000.

Đối với nền kinh tế chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường có điều tiết của Nhà nước , chính sách tiền tệ là một công cụ và bộ phận quan trọng của chính sách kinh tế vĩ mô, có tác động rất cơ bản đến ổn định giá trị đồng tiền và khuyến khích phát triển kinh tế, tạo việc làm, ổn định môi trường kinh tế - xã hội..

Chiến lược phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000 của đảng và Nhà nước đòi hỏi chính sách tiền tệ phải đưa ra được những mục tiêu rõ ràng trong giai đoạn 1996- 2000 để đảm bảo cho nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, bền vững , ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, loại trừ nguy cơ tái lạm phát cao.

Để đạt mục tiêu như vậy, trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước phải có những bước đổi mới nhất định so với giai đoạn 1996 - 2000 theo hướng nâng cao vai trò kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước đối với các diễn biến tiền tệ trong nền kinh tế, chuyển mạnh từ cách điều hành bị động sang cách điều hành chủ động thông qua việc thực hiện dự báo các diễn biến kinh tế , tiền tệ. Đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết chuyển sang

điều hành chính sách tiền tệ thông qua việc sử dụng các công cụ tiền tệ gián tiếp.

Vấn đề tiếp theo được đặt ra trong việc hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ giai đoạn 1996-2000 là hướng đổi mới phải được đặt trong mối quan hệ tổng thể với các chính sách vĩ mô khác. Dù chính sách tiền tệ có vai trò cực kỳ quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô, nhưng nếu đặt nó với tư cách là yếu tố độc lập trong chiến lược phát triển toàn bộ của nền kinh tế thì nó không có vai trò gì. Chính sách tiền tệ đóng góp vào thành công hay thất bại của nền kinh tế , hay của lĩnh vực tiền tệ chỉ khi nó như một bộ phận cấu thành của mô hình, chiến lược phát triển tổng thể và của toàn bộ hệ thống chính sách mà thôi. Chính sách tiền tệ, hay bất kỳ chính sách cụ thể nào chỉ đúng thực tiễn, chỉ có thể phát huy tác dụng tích cực một khi hệ thống toàn bộ bao chứa nó đúng đắn về mặt nguyên tắc

Từ những đòi hỏi như vậy, mục tiêu của đề tài là phân tích và nghiên cứu lý luận , thực tiễn về điều hành CSTT của một số nước, đặc biệt trong việc lựa chọn mục tiêu của CSTT phù hợp với từng giai đoạn phát triển; phương pháp kiểm soát khối lượng tiền nhằm đạt được mục tiêu CSTT và mục tiêu đổi mới.

Với mục tiêu nghiên cứu như vậy, kết cấu đề tài này gồm 3 phần:

Phần thức nhất: Định hướng phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước giai đoạn 1996-2000.

Phần này đề cập trên khía cạnh những định hướng phát triển kinh tế xã hội chính và các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong giai đoạn 1996-2000 do Bộ Kế hoạch và đầu tư hoạch định được Chính phủ chấp nhận

Phân hai: Mục tiêu của Chính sách tiền tệ giai đoạn 1996-2000

Phần này đưa ra những cơ sở lý luận , thực tiễn của Việt nam và một số nước lựa chọn mục tiêu CSTT trong thời kỳ chuyển đổi, từ đó xác định mục tiêu cụ thể của CSTT giai đoạn 1996-2000 cho Việt nam.

Phần ba: Định hướng Điều hành Chính sách tiền tệ

Phần này đưa ra định hướng điều hành và kiểm soát khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế trên cơ sở kết hợp giữ lý luận, thực tiễn điều hành của một số nước với điều kiện thực tiễn của Việt nam.

PHẦN 1

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC CHO GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

1. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 1996 - 2000

Hoà nhập với nền kinh kế trong khu vực, tránh tụt hậu là cái đích cần đạt được của nền kinh tế nước ta trong giai đoạn 1996 - 2000. Điều đó tất yếu đặt ra nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong giai đoạn này là:

- Tập trung sức cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và bền vững hơn thời kỳ 1991 - 1995 bằng cách đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hình thành các cơ cấu kinh tế hợp lý, cải tiến cơ chế quản lý một cách hài hoà.

- Ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiềm chế và kiểm soát lạm phát, loại trừ nguy cơ tái lạm phát cao.

- Củng cố, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, tiếp tục tạo tiền đề cần thiết cho nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, vốn công nghệ, cơ chế chính sách cho bước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ sau.

2. Định hướng các chỉ tiêu và cân đối chủ yếu

Trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 1996 - 2000 và các diễn biến kinh tế trong các năm 1991 - 1995, là cơ sở để đưa ra những định hương phát triển và các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu cho giai đoạn phát triển 1996 - 2000.

Năm 1996, là năm đầu thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 1996-2000, nhìn chung đã đạt được những mục tiêu lớn là tăng trưởng ở

mức 9,5%, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,1%; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,7%; giá trị các ngành dịch vụ tăng 12,5%; kim ngạch xuất khẩu tăng 40%; kim ngạch nhập khẩu tăng 38%; huy động khoảng 22% GDP vào ngân sách thông qua thuế và dầu khí, lạm phát kiềm chế ở mức thấp, môi trường kinh tế, xã hội nhìn chung là ổn định. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được cũng còn nhiều khó khăn cần khắc phục tiếp vào những năm còn lại của giai đoạn 1996-2000. Cụ thể những khó khăn đó là:

+ Ngân sách Nhà nước luôn trong tình trạng căng thẳng, thiếu hụt ngân sách lờn, nhiêu nhu cầu cần thiết không đảm bảo, nhất là đầu tư xây dựng cơ bản , bội chi ngân sách nhà nước còn lớn có xu hướng tăng sẽ là gánh nặng cho nưm 1997 và nhữn năm tiếp theo.

+ Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng cơ bản , đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội rất lớn , trong khi đó vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước năm 1996 giảm nhiều so với năm 1995 và dự kiến năm 1997 tăng không nhiều so với năm 1996 sẽ là gay cấn rất lớn trong việc triển khai thực hiện các dự án của kế hoạch 5 năm 1996-2000.

Trên cơ sở tình hình thực hiện năm 1996 và mục tiêu cần đạt được của chiến lược phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000 , một số các chỉ tiêu lớn cần đạt được trong năm 1997 và đến năm 2000 là:

-Tăng trưởng kinh tế năm 1997 tăng 9-10% so với năm 1996 , mức tăng bình quân 5 năm 1996-2000 là 9-10%. Chỉ tiêu tăng trưởng ở đây, được hiểu là tổng sản phẩm trong nước (GDP thực tế) được sản xuất ra trong một năm, nó là hoạt động của những sản phẩm được đưa vào (Inputs) và đã sử dụng trong quá trình sản xuất bao gồm các nhân tố về kỹ thuật, quản lý và các nhân tố môi trường... mối quan hệ giữa sản phẩm đã được sản xuất ra và những sản phẩm được đưa vào sản xuất chỉ ra tổng số sản phẩm hoạt động mà cấu thành nên các nhân tố của sản phẩm.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14-15% so với năm 1996 , bình quân giai đoạn 1996-2000 là 14-15%.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,6-4,9% so với năm 1996, bình quân giai đoạn 1996- 2000 tăng là 4,5-5%.

- Giá trị các ngành dịch vụ tăng 12-12,5% so với năm 1996, bình quân tăng trong giai đoạn 1996-2000 là 12-13%.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng 27% so với năm 1996, mức tăng bình quân giai đoạn 1996-2000 là 27-28%.

- Kim ngạch nhập khẩu tăng 22% so với năm 1996, mức tăng bình quân giai đoạn 1996-2000 là 22-24%..

- Huy động khoảng 19-20% so với năm 1996.

- Chỉ số giá tiêu dùng và dịch vụ năm 1997 từ 7-8%, mức phấn đấu trong giai đoạn 1996-2000 là dưới 10%

- Cân đối tài chính:

+ Cân đối giữa tích luỹ và tiêu dùng:

Về tiêu dùng tăng bình quân cho đầu người là 5% (3% cho thời kỳ 1991-1995)

Về tích luỹ tài sản cố định được xác định trên hệ số vốn đầu tư (ICOR) bình quân khoảng 3,2 - 3,3 (1991 - 1995 khoảng 2,6).

Tương ứng với các hệ số đó, yêu cầu vốn đầu tư 5 năm 1996-2000 sẽ tăng bình quân khoảng 18% bằng 30% GDP (1991 - 1995 là 22,6%). Tổng tích luỹ trong 5 năm bằng khoảng 33 - 34 % so với tổng GDP.

Với các điều kiện trên cơ cấu tích luỹ - tiêu dùng trong những năm 1996 - 2000 dự kiến hình thành như sau:

Đơn vị %

	1990	ước 1995	bình quân 5năm	dự kiến BQ 5năm
			1991-1995	1996-2000
Tổng số	100	100	100	100